TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2024/HS-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai; Ông Lý Tuấn Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 185/2024/TLST-HS ngày 30/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2024/QĐXXST-HS ngày 04/11/2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc V, sinh năm 1989 tại thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: số D, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Ngọc H và bà Phùng Thị M; Bị cáo sống như vợ chồng với bà Trương Thị Bạch U và có 01 con Trương Ngọc Á, sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L từ ngày 14/6/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn Đ, sinh năm 1983 tại thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: D3, lô A, đường D, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Thành Ú và bà Phạm Thị L (chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Về nhân thân: ngày 19/01/2017, bị Toà án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý", chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2018. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L từ ngày 15/6/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Lê Thị N, sinh năm 1980. Nơi cư trú: số B, đường L, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang.

2. Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1972. Nơi cư trú: số B, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang.

3. Cao Việt H1, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số A, đường S, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang.

4. Hồ Văn T, sinh năm 1953. Nơi cư trú: số B, đường L, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Thị N1, sinh năm 1966. Nơi cư trú: số A, rạch T, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang.

2. Nguyễn Thị D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: A, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang.

3. Trương Thị Bạch U, sinh năm 1983. Nơi cư trú: số A, khu T, khóm B, phường B, Tp ., tỉnh An Giang.

4. Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1958. Nơi cư trú: số B, đường H, khóm Đ, phường M, Tp ., tỉnh An Giang.

(Bị hại và người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, Lê Ngọc V rủ Phạm Văn Đ đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì Đại đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 09/6/2024, Đ điều khiển xe đạp, Vô điều khiển xe mô tô biển số 67H9-9107 có gắn xe đẩy 02 bánh (loại xe đẩy dùng đi mua phế liệu) phía sau đi xung quanh khu đô thị S thuộc phường B, thành phố L. Khi đến nhà chị Lê Thị N, số B đường L, khóm B, phường B, thành phố L, thấy nhà chị N khoá cửa, thì V vào lấy trộm 01 bộ cửa đi (sắt hộp 08 cánh, màu vàng, kích thước mỗi cánh 02m x ngang 0,7m, khung sắt hộp 40mm x 40mm + sắt phi 14) để lên xe đẩy nối với xe mô tô biển số 67H9-9107 chở về nhà V, số 466C/24, khóm B, phường B cất giấu. Sáng cùng ngày cả hai mang bán cho chị Nguyễn Thị D được 1.550.000 đồng chia nhau mỗi người 750.000 đồng, còn 50.000 đồng Vô đổ xăng xe. Đến khoảng 03 giờ ngày 10/6/2024, Vô điều khiển xe mô tô biển số 67H9 - 9107 kéo xe đẩy 02 bánh, Đ điều khiển xe đạp đến nhà của anh Nguyễn Thanh V1, số B, khóm B, phường B, thành phố L đang khóa cửa, V và Đ lấy trộm 01 bộ cửa đi (sắt hộp 02 cánh, màu trắng, kích thước mỗi cánh cao 1,45m x ngang 0,62m, khung sắt hộp 60mm x 30mm + sắt phi 14) khiêng lên xe đẩy kéo về nhà Vô cất giấu; sáng cùng ngày cả hai mang bán cho chị Võ Thị N1 được 200.000 đồng chia nhau mỗi người 100.000 đồng.

Ngày 14, 15 tháng 6 năm 2024, V, Đ đến Công an phường B đầu thú ngoài thực hiện hành vi lấy trộm 01 bộ cửa đi sắt hộp nhà chị N và 01 bộ cửa đi sắt hộp

nhà anh V1 nêu trên, thì V và Đ còn 04 lần lấy trộm cửa sắt, hàng rào trên địa bàn phường B, thành phố L, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 03 giờ ngày 09/5/2024, Vô điều khiển xe mô tô biển số 67H9 - 9107 kéo xe đẩy 02 bánh, Đ điều khiển xe đạp đến nhà của anh Cao Việt H1 đang khóa cửa, số 178, Sư Vạn H2, khóm B, phường B, thì V và Đ lấy trộm 01 cánh cửa đi (sắt hộp, màu trắng, kích thước cao 1,6m x ngang 02m, khung sắt hộp 60mm x 30mm) để lên xe đẩy về nhà V cất giấu. Đến sáng cùng ngày, cả hai mang bán cho chị Võ Thị N1 được 350.000 đồng, chia nhau mỗi người 175.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 10/5/2024, Vô điều khiển xe mô tô biển số 67H9 - 9107 kéo xe đẩy 02 bánh, Đ điều khiển xe đạp đến nhà của anh Hồ Văn T, số B, đường L, khóm B, phường B, thấy nhà khóa cửa, thì V, Đ lấy trộm 01 bộ cửa đi (sắt hộp 04 cánh, màu hồng, kích thước mỗi cánh cao 1,8m x ngang 01m, khung sắt hộp 60mm x 30mm) để lên xe đẩy đem về nhà V cất giấu. Đến sáng cùng ngày, cả hai mang bán cho chị Võ Thị N1 được 400.000 đồng, chia nhau mỗi người 200.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng giữa tháng 5/2024, Vô điều khiển xe mô tô biển số 67H9 - 9107 kéo xe đẩy 02 bánh, Đ điều khiển xe đạp đến căn nhà (không nhớ rõ địa chỉ), thuộc phường B, thành phố L, V và Đ lấy trộm 01 bộ cửa đi (sắt hộp 02 cánh, màu trắng, kích thước mỗi cánh cao 1,65m x ngang 0,85m, khung sắt hộp 60mm x 30mm) để lên xe đẩy đem về nhà V cất giấu. Đến sáng cùng ngày, cả hai mang bán cho chị Võ Thị N1 được 260.000 đồng, chia nhau mỗi người 130.000 đồng.

Lần thứ tư: Khoảng giữa tháng 5/2024, Vô điều khiển xe mô tô biển số 67H9 - 9107 kéo xe đẩy 02 bánh, Đ điều khiển xe đạp đến căn nhà (không nhớ rõ địa chỉ), thuộc phường B, thành phố L, cùng lấy trộm 01 cánh cửa đi sắt hộp, màu trắng, kích thước cao 1,65m x ngang 0,85m, khung sắt hộp 60mm x 30mm khiêng lên xe đẩy đem về nhà V cất giấu. Đến sáng cùng ngày, cả hai mang bán cho chị Võ Thị N1 được 150.000 đồng, chia nhau mỗi người 75.000 đồng.

Vật chứng và tài sản thu giữ, gồm: 01 bộ cửa đi sắt hộp 08 cánh màu vàng, kích thước mỗi cánh cao 02m x ngang 0,7m, khung sắt hộp 40cm x 40cm + sắt phi 14; 01 bộ cửa đi sắt hộp 04 cánh, màu hồng, kích thước mỗi cánh cao 1,8m x ngang 01m, khung sắt hộp 60mm x 30mm; 01 bộ cửa đi sắt hộp 02 cánh, màu trắng, kích thước mỗi cánh cao 1,45m x ngang 0,62m, khung sắt hộp 60mm x 30mm, sắt phi 14; 01 bộ cửa đi sắt hộp 03 cánh, màu trắng, kích thước cao 1,65m x ngang 0,85m, khung sắt hộp 60mm x 30mm; 01 cánh cửa đi sắt hộp, màu trắng, kích thước cao 1,6m x ngang 02m, khung sắt hộp 60mm x 30mm; 01 cánh cửa đi sắt hộp màu xám kích thước cao 1,55m x ngang 1,07m, khung sắt hộp 40mm x 40mm + lưới B40; 01 xe honda biển số 67H9-9107, loại xe wave màu xanh; 01 xe đẩy 02 bánh; 01 xe đạp mini màu bạc, gỗ màu bạc bằng kim loại.

Kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 20/6/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong Tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố L, xác định tổng giá trị các bộ cửa sắt là vật chứng nêu trên là 9.723.625 đồng.

Kết luận giám định số 1228/KL-KTHS ngày 08/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh A, xác định: xe mô tô biển số 67H9-9107 số khung, số máy không bị: cắt, hàn, đục, sửa, tẩy xoá, hoen gỉ.

Kết luận giám định số 1212/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng K Công an tỉnh A: Trích xuất 14 ảnh từ dữ liệu 01 tập tin video lưu trữ trong đĩa CD (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh An Giang, chi tiết thể hiện trong Phụ lục gồm 06 trang A4.

Cáo trạng số: 195/CT-VKSLX ngày 29/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố các bị cáo Lê Ngọc V, Phạm Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt các bị cáo Lê Ngọc V, Phạm Văn Đ, mỗi bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, đề nghị: tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 bộ cửa rào sắt hộp 03 cánh, màu trắng, 01 xe đẩy 02 bánh, 01 xe đạp mini màu bạc, gỗ màu bạc trắng bằng kim loại; Trả lại cho lại cho bà Trương Thị Bạch U 01 xe mô tô biển số 67H9-9107, loại Wave màu xanh; Trả lại cho bà Võ Thị N1 01 cánh cửa sắt hộp màu xám.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xét đến.

Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi vừa qua.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra trình bày sự việc như nội dung Cáo trạng truy tố và không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự. Riêng Trương Thị Bạch U (vợ của bị cáo V) yêu cầu nhận lại xe mô tô biển số 67H9 - 9107, Uyên mua của một người đàn ông, không rõ họ, địa chỉ, để làm phương tiện đi lại, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đã mất giấy chứng nhận đăng ký xe và không biết việc bị cáo V dùng làm phương tiện phạm tội. Bà Võ Thị N1 không yêu cầu nhận lại cánh cửa sắt hộp màu xám.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định pháp luật.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không lý do. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, người tham gia tố tụng không ý kiến. Xét thấy quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an thành phố L đã tiến hành lấy lời khai, làm rõ các tình tiết trong vụ án nên việc vắng mặt của người tham gia tố tụng nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự

Từ ngày 09/5/2024 đến ngày 10/6/2024, bị cáo Lê Ngọc V và bị cáo Phạm Văn Đ đã nhiều lần thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 04 bộ cửa đi sắt hộp (tổng cộng 18 cánh) của các bị hại Cao Việt H1, Lê Thị N, Hồ Văn T, Nguyễn Thanh V1 và nhiều người khác không rõ địa chỉ, mục đích để bán lấy tiền tiêu xài. Giá trị tài sản mỗi lần lấy trộm trị giá từ 629.300 đồng đến 3.920.000 đồng, trong đó có 02 lần tài sản lấy trộm trên 2.000.000 đồng, với tổng trị giá tài sản theo định giá là 9.391.925 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người tham gia tố tụng khác cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Như vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm theo đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Đối với Võ Thị N1, Nguyễn Thị D mua cửa rào sắt và cửa sắt hộp của các bị cáo lấy trộm nhưng không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N1, D về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ. Ngoài ra, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ 01 cánh cửa đi sắt hộp, màu xám, V khai mua của người khác đem bán lại, không có chứng cứ khác chứng minh V lấy trộm, riêng 01 bộ cửa đi sắt có 02 cánh, màu trắng, đã qua sử dụng và 01 cánh cửa đi sắt, màu trắng, V và Đ khai lấy trộm trên địa bàn thuộc phường B, không rõ địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L đã thông báo tìm bị hại và xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội

Các bị cáo là người trưởng thành, khỏe mạnh, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân. Các bị cáo muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài, không phải lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội bằng việc lợi dụng sơ hở của bị hại, lợi dụng đêm khuya, không người trông giữ tài sản để lén lút lấy trộm, điều này thể hiện sự liều lĩnh, bất chấp tất cả để chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của các bị cáo ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương, đời sống bình thường của xã hội. Do đó, áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo đề nghị truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về vật chứng: 01 bộ cửa rào sắt hộp 03 cánh, màu trắng là tài sản do phạm tội mà có, 01 cánh cửa sắt hộp màu xám là của bà Võ Thị N1 không yêu cầu nhận lại, 01 xe đẩy 02 bánh và 01 xe đạp mini màu bạc là phương tiện các bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cùng tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước; 01 xe mô tô biển số 67H9-9107, loại Wave màu xanh là tài sản của bà Trương Thị Bạch U, do bị cáo lấy sử dụng nhưng bà U không biết và không có lỗi nên trả lại cho bà U.

[8] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc V, Phạm Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[1] Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2024.

[2] Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại sung ngân sách Nhà nước: 01 bộ cửa rào sắt hộp 03 cánh, màu trắng, 01 cánh cửa sắt hộp màu xám, 01 xe đẩy 02 bánh, 01 xe đạp mini màu bạc; Trả lại cho bà Trương Thị Bạch U 01 xe mô tô biển số 67H9-9107, loại Wave màu xanh (Đặc điểm tang vật như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/11/2024).

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND Tp.Long Xuyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên;
- Nhà tạm giữ Công an Tp.Long Xuyên;
- Người tham gia tố tụng trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam